



Bài giảng 11

Cải cách thuế

Đỗ Thiên Anh Tuấn

Trường Chính sách Công và Quản lý (FSPPM)

Đại học Fulbright Việt Nam (FUV)



Nội dung

- ▶ Các khuôn khổ phân tích cải cách thuế
 - ▶ Cải cách thuế ở Việt Nam
- 

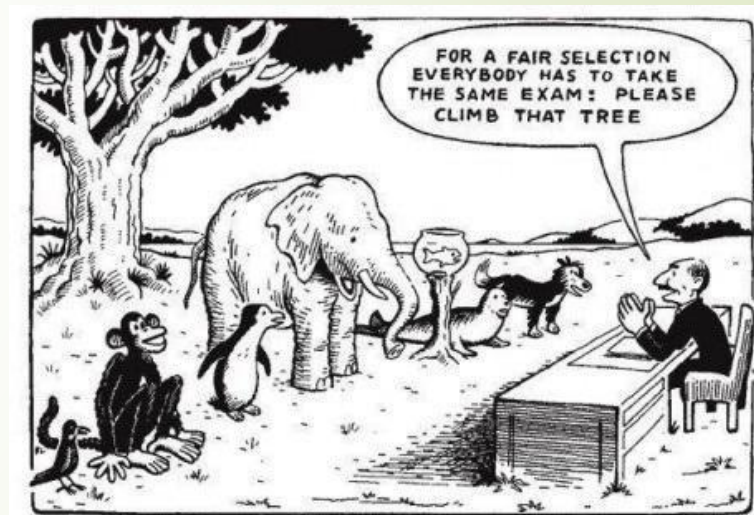


Thượng nghị sĩ Russell Long nói về cải cách thuế

- *“Lỗ hồng thuế là điều gì đó có lợi cho kẻ khác. Nếu nó có lợi cho bạn, thì đó là cải cách thuế.”*
- *“Cải cách thuế có nghĩa là, ‘đừng đánh thuế anh, hãy đánh thuế tôi. Đánh thuế gã núp đằng sau cái cây kia.’”*

Những động cơ của cải cách thuế

- Tài khóa: Tăng thu ngân sách
- Chính trị: Lợi ích của nhóm đại diện
- Xã hội: Giảm bất bình đẳng
- Kinh tế: Giảm phi hiệu quả
 - Phân bổ nguồn lực
 - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
 - Giảm tổn thất phúc lợi vô ích
- Hành chính: Khả thi
 - Tăng cường hiệu quả hành thu
 - Giảm tải cho hoạt động quản lý thuế
 - Giảm chi phí tuân thủ



Tài khóa: Tăng thu ngân sách

- ▶ Là thước đo được chấp nhận phổ biến nhất cho sự thành công của cải cách thuế
 - ▶ Ở Việt Nam thì sao?
- ▶ Thu ngân sách:
 - ▶ Số tuyệt đối: Tổng thu sv. nhu cầu chi tiêu
 - ▶ Số tương đối: Tổng thu sv. GDP
 - ▶ Cơ cấu thu: Tính hợp lý và bền vững
 - ▶ Biện pháp tăng thu:
 - ▶ Thuế suất
 - ▶ Cơ sở thuế
 - ▶ Thất thoát, chi phí quản lý

Chính trị: Đại diện cho lợi ích của nhóm vận động

- Đại diện cho lợi ích của người dân?
- Đại diện cho lợi ích của nhóm vận động chính sách?

“Kinh tế chính trị của thuế khóa là đánh thuế lên đa số dân chúng rồi chia lại cho một số người trong khi lại tuyên bố rằng lấy của vài người chia cho mọi người”



Xã hội: Tái phân phối thu nhập và công bằng

- ▶ Công bằng dọc: Nghèo tương đối sv. tuyệt đối:
 - ▶ Giải quyết nghèo tương đối: “kéo xuống”
 - ▶ Tăng tính lũy tiến, tăng thuế lợi vốn, tăng thuế của cải, tăng thuế với hàng xa xỉ ...
 - ▶ Giải quyết nghèo tuyệt đối: “nâng lên”
 - ▶ Nâng ngưỡng chịu thuế, miễn giảm đối với nhóm thu nhập thấp nhất [tăng chi tiêu cho người nghèo]
- ▶ Công bằng ngang
 - ▶ Thu nhập từ các hoạt động khác nhau
 - ▶ Vấn nạn lạm phát

Hiệu quả

- ▶ Phân bổ nguồn lực
 - ▶ Khuyến khích tiết kiệm và đầu tư
 - ▶ Khuyến khích khởi nghiệp và chấp nhận rủi ro
- ▶ Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
 - ▶ Ưu đãi cho một số ngành công nghiệp hay địa điểm đầu tư
 - ▶ Giảm thuế suất để khuyến khích đầu tư
 - ▶ Lưu ý: Tính linh động của các dòng vốn quốc tế
- ▶ Giảm tổn thất phúc lợi vô ích
 - ▶ Tính “trung hòa” của thuế
 - ▶ Cơ sở thuế rộng, thuế suất thấp

Hành chính

- Giảm sự quá tải của hệ thống quản lý thuế
- Giảm chi phí quản lý thu thuế
- Giảm chi phí tuân thủ thuế

Trở ngại trong cải cách thuế

10

➤ Bối cảnh: Chính trị

- Đối tượng hưởng lợi tập trung → những người được lợi có tổ chức và hoạt động tích cực
- Đối tượng thiệt hại phân tán → bên thiệt hại không được tổ chức và thụ động

➤ Nội bộ: Kỹ thuật

- Thông tin hạn chế về hiện trạng và mô phỏng tác động khả dĩ → năng lực hoạch định kém
- Nguồn lực tài chính và con người hạn chế → năng lực triển khai kém và sự cản trở nội bộ
- Thuế “tối ưu”

➤ Tinh thần:

- Mặc cảm “không thể thay đổi”

➤ Bên ngoài: hỗ trợ bên ngoài

- Chuyên gia có điều kiện và không có chuyên môn → lời khuyên không phù hợp nhưng khó từ chối

Nguyên tắc cải cách thuế

11

- Gần đúng so với sai chính xác:
 - Đơn giản > Tối ưu
- Chú trọng số thu thuế và hiệu quả tối đa:
 - Công bằng giải quyết tốt nhất bằng ngưỡng chịu thuế cao, miễn trừ bảo trùm, và chính sách chi tiêu
- Kinh tế học thuế khóa:
 - Thuế suất thấp, cơ sở thuế rộng

10 bài học cải cách thuế

12

- Thành công nhất khi ít cần nhất
- Tính liên tục giữa các nhà hoạch định/chính sách là quan trọng
- Cải cách vội vã → cải cách thất bại
- Phải chú trọng vào công tác quản lý và triển khai thuế
- Truyền thông đại chúng tốt là rất quan trọng
- Thiếu hụt số thu thuế triệt tiêu cải cách
- Đơn giản hóa và giảm thuế suất bổ sung cho nhau
- Hệ thống khấu trừ tại nguồn là quan trọng đối với thuế thu nhập
- Cải cách thuế gián thu hiện là trọng tâm chính trên toàn thế giới
- Không có giải pháp nhanh

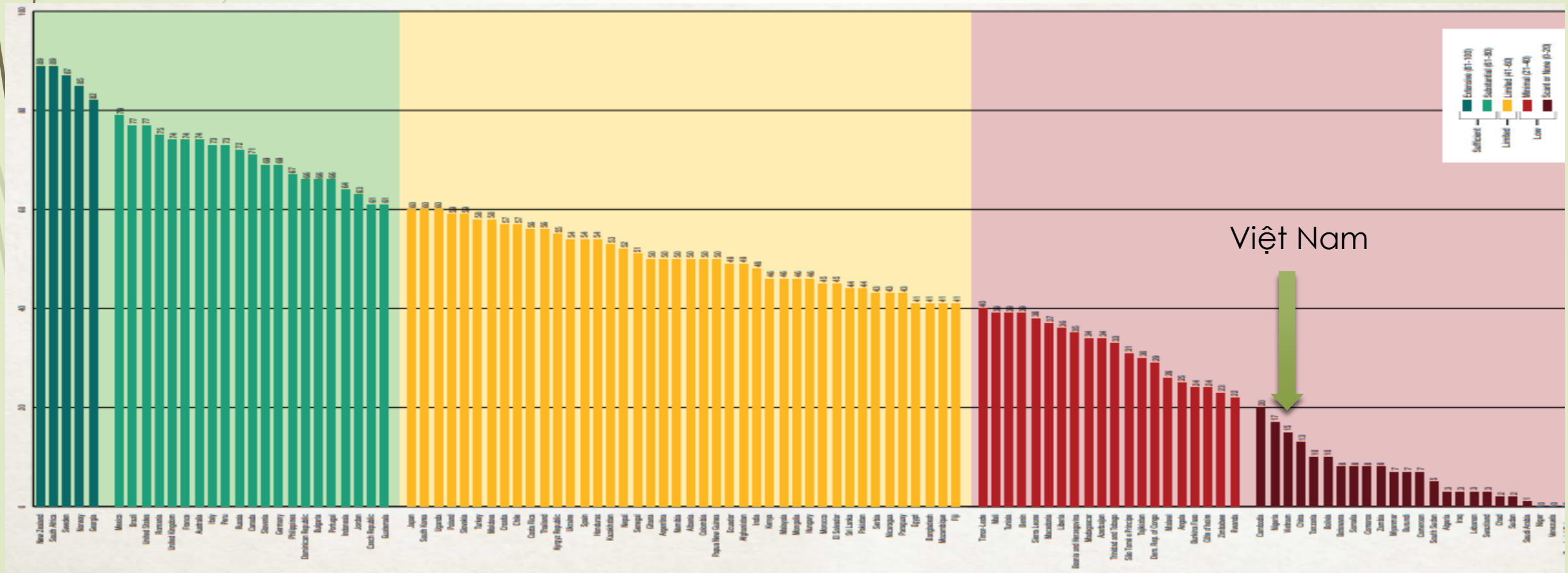


Cải cách thuế ở Việt Nam: Vì sao Việt Nam cần cải cách thuế?

- **Khía cạnh chính trị**
 - Minh bạch hóa
 - Trách nhiệm giải trình
 - Tái phân phối
- **Khía cạnh kinh tế**
 - Cải thiện hiệu quả phân bổ nguồn lực
 - Đáp ứng các cam kết hội nhập
 - Nâng cao sức cạnh tranh cho nền kinh tế
- **Khía cạnh tài khóa**
 - Tăng nguồn thu cho ngân sách
 - Giảm thâm hụt ngân sách và nợ công
- **Khía cạnh xã hội**
 - Cải thiện công bằng và tái phân phối
- **Khía cạnh hành chính**
 - Cải thiện năng lực quản lý thuế
 - Giảm chi phí tuân thủ và chi phí hành thu

Xếp hạng độ minh bạch ngân sách của Việt Nam (Chỉ số ngân sách mở OBI)

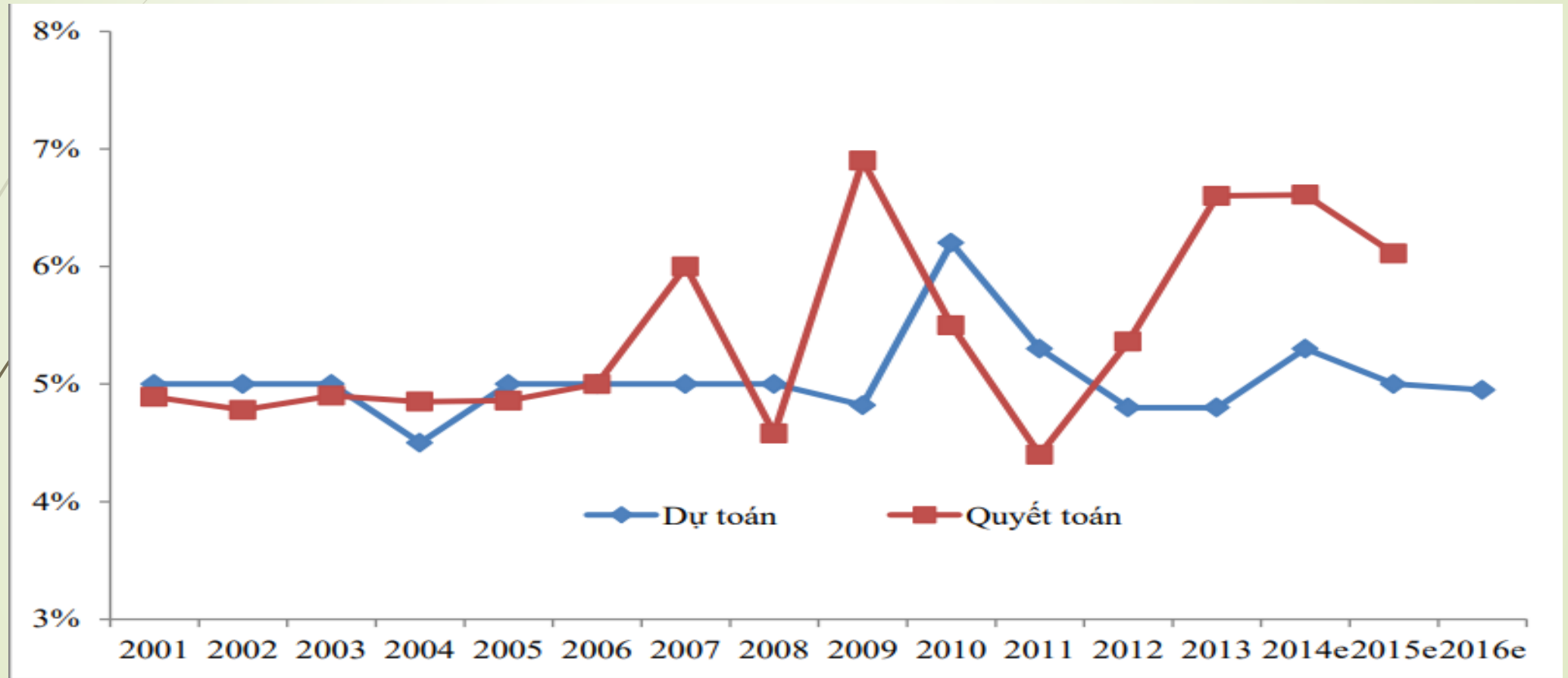
- ▶ <https://www.internationalbudget.org/open-budget-survey/open-budget-index-rankings/>.



Xếp hạng môi trường thuế VN của WB năm 2018 (Doing Business 2018)

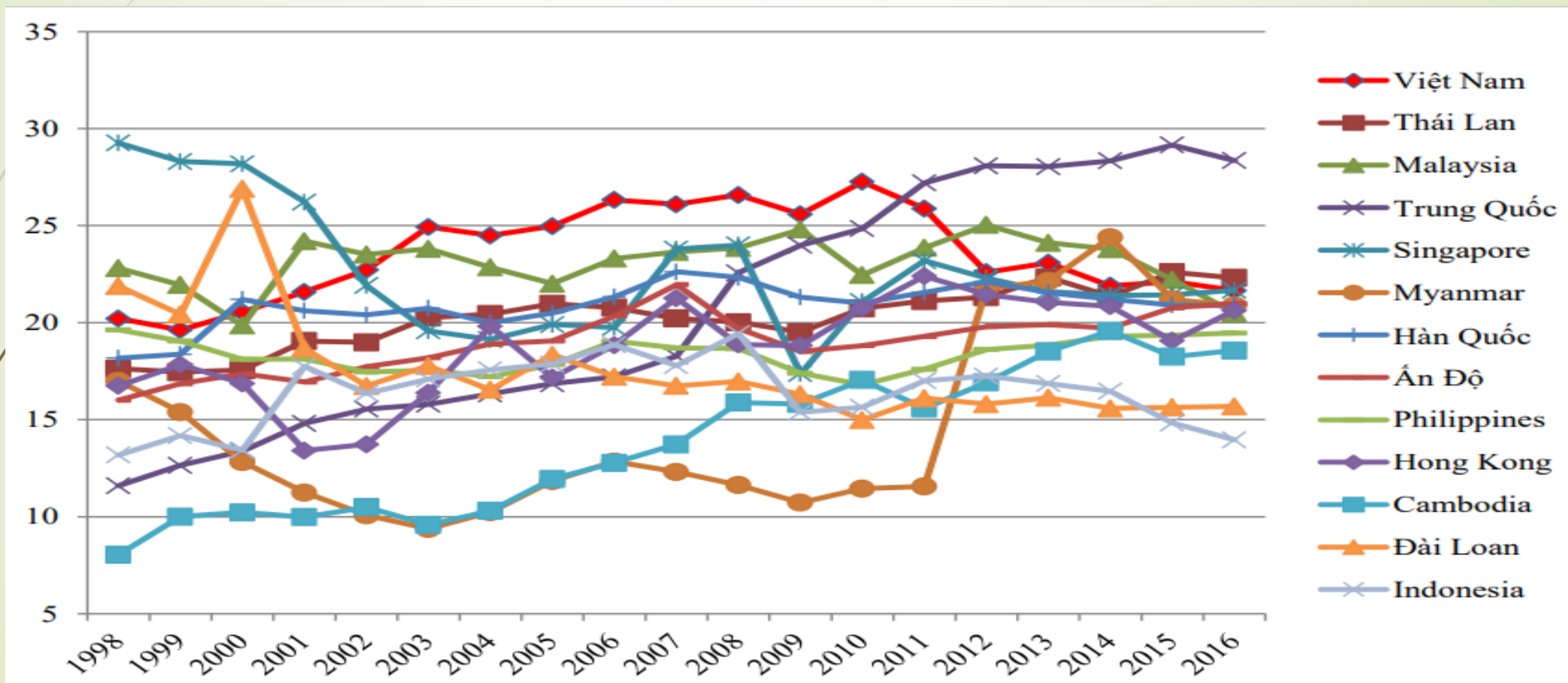
Nền kinh tế	Xếp hạng Môi trường kinh doanh	Xếp hạng nộp thuế	Số khoản thuế phải nộp trong 1 năm	Số giờ nộp thuế một năm	Thuế suất tổng gộp (% lợi nhuận)	Thuế lợi tức (% lợi nhuận)	Các khoản thuế tiền lương và các khoản đóng góp khác (% lợi nhuận)	Các khoản thuế khác (% lợi nhuận)
Hong Kong SAR, China	5	3	3	72	22,9	17,5	5,3	0,1
Singapore	2	7	5	64	20,3	1,5	17,8	1,1
United Kingdom	7	23	8	110	30,7	18,1	10,9	1,7
Korea, Rep.	4	24	12	188	33,1	18,2	13,5	1,4
Australia	14	26	11	105	47,5	26	21,1	0,4
United States	6	36	10,6	175	43,8	27,9	9,8	6,1
Taiwan, China	15	56	11	221	34,3	12,5	18,3	3,4
Thailand	26	67	21	262	28,7	22,6	5,4	0,7
Japan	34	68	14	151	47,4	24,6	18,5	4,2
Malaysia	24	73	8	188	39,2	21,8	16,4	1
Việt Nam	68	86	14	498	38,1	13,1	24,8	0,1
Philippines	113	105	20	182	42,9	20,3	8,7	14
Indonesia	72	114	43	207,5	30	16,6	11,5	1,9
India	100	119	13	214	55,3	23,5	20,5	11,3
Myanmar	171	125	31	282	31,2	26,8	0,3	4,2
China	78	130	9	207	67,3	11	48,1	8,2
Cambodia	135	136	40	173	21,7	19,4	0,5	1,8
Lao PDR	141	156	35	362	26,2	15,8	6,8	3,7

Tỷ lệ bội chi ngân sách hàng năm của VN (% GDP)



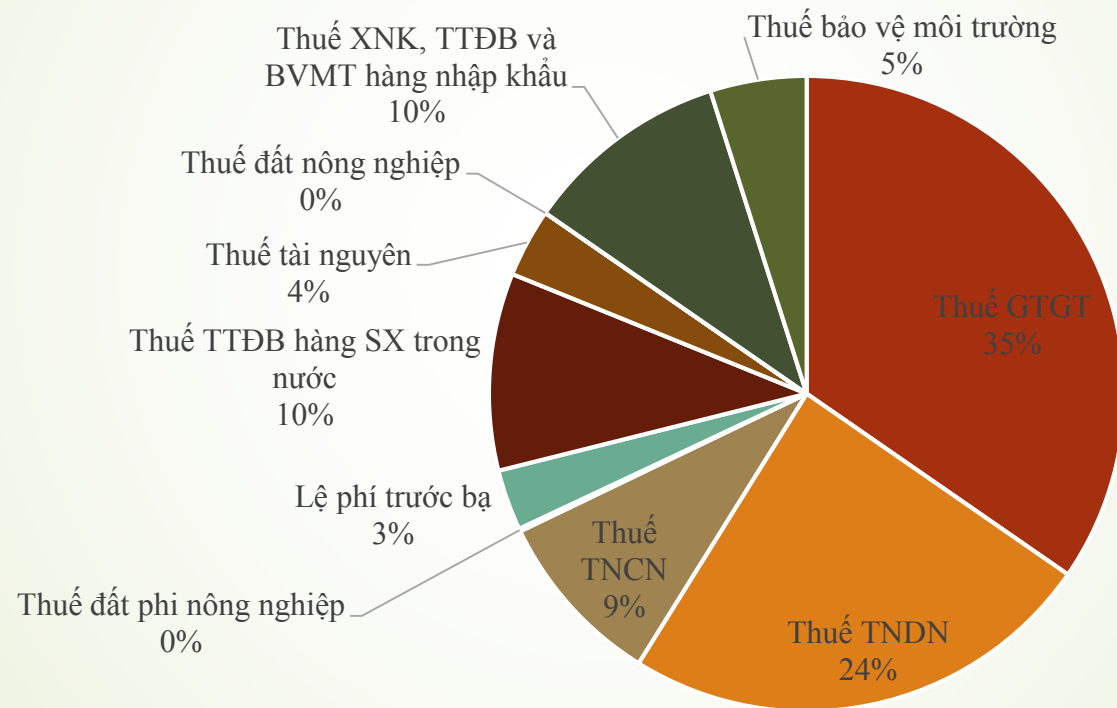
Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo ngân sách hàng năm của Bộ Tài chính

So sánh tỷ lệ thu ngân sách của VN với một số nước (% GDP)

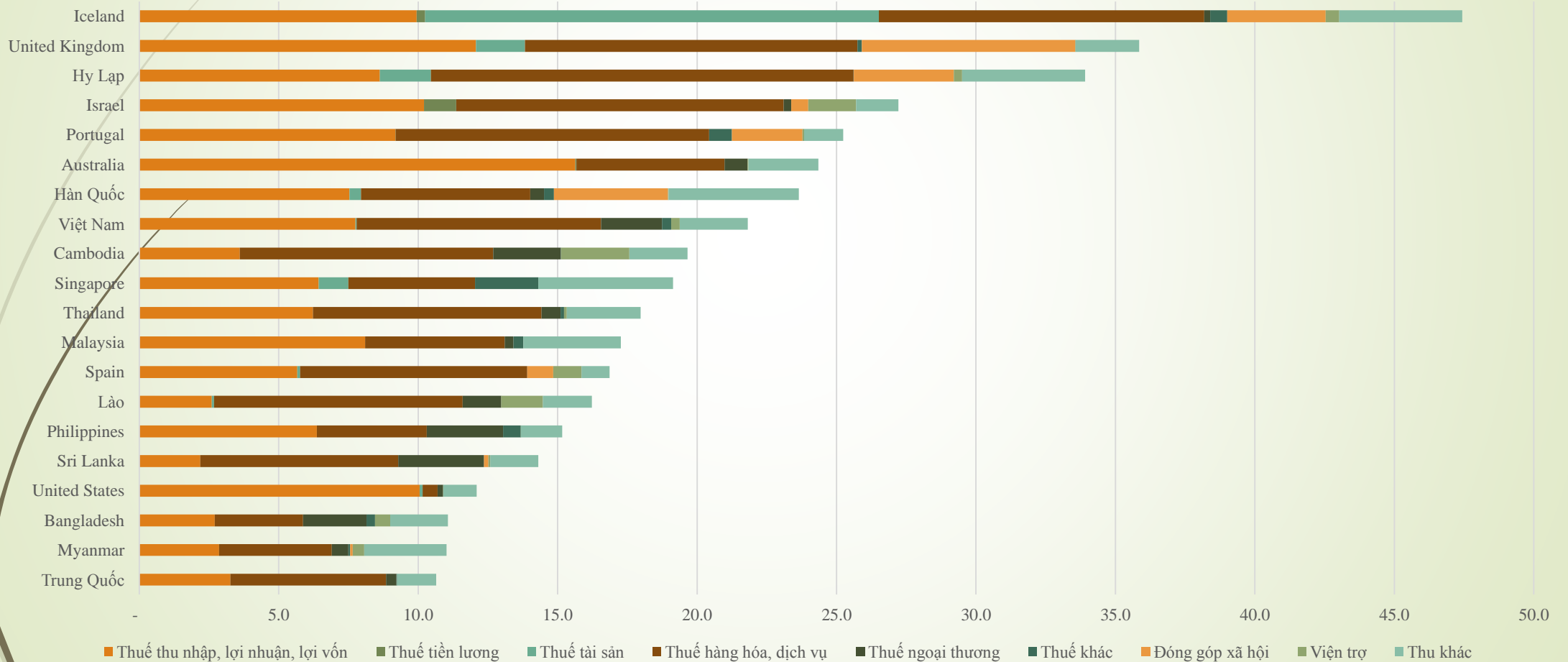


Nguồn: Tổng hợp từ cơ sở dữ liệu của IMF

Tỷ trọng các khoản thuế của Việt Nam 2017



So sánh cơ cấu thu ngân sách của VN với một số nước (% GDP)



Đặc điểm cấu trúc thu ngân sách

- Tỷ lệ thu ngân sách so với GDP rất cao
- Phụ thuộc chủ yếu vào nguồn thu từ thuế, đặc biệt là VAT, thu nhập DN và XNK
- Phụ thuộc nhiều vào DNNN
- Thu thuế khu vực FDI hạn chế
- Thu từ dầu mỏ đang giảm nhanh
- Thuế XNK cũng có xu hướng giảm do sự giảm thuế suất hậu WTO
- Vai trò của VAT ngày càng lớn
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp rất nhỏ
- Các khoản thu có tính chất thuế còn phổ biến
- Một số chính sách thuế bất cập
- Thuế thu nhập cá nhân còn nhỏ nhưng tốc độ tăng khá nhanh

Thách thức của hệ thống thuế ở VN

- Thu ngân sách và thâm hụt ngân sách đều rất cao (so với GDP), không gian tài khóa đang thu hẹp
- Cơ cấu nguồn thu tiềm ẩn sự thiếu bền vững:
 - Sự suy giảm nhanh của nguồn thu dầu mỏ, ngoại thương và DNNN
 - Nguồn thu từ thuế TNCN và BĐS còn quá thấp
- Hệ thống quản lý thu thuế kém hiệu quả
- Mức độ tuân thủ của người nộp thuế còn thấp
- Hệ thống ngân sách phức tạp, kém minh bạch

Một số mục tiêu cụ thể về thu thuế theo Quyết định 732/QĐ-TTg

- ▶ Thu nội địa/thu ngân sách nhà nước:
 - ▶ 2015: hơn 70%
 - ▶ 2020: hơn 80%
- ▶ Thu ngân sách nhà nước/GDP
 - ▶ 2011-2015: khoảng 23 – 24% (trong đó tỷ lệ thu từ thuế, phí và lệ phí 22 – 23%)
- ▶ Tốc độ tăng thu thuế, phí và lệ phí bình quân hằng năm từ 16% - 18%/năm.

Một số mục tiêu cụ thể về quản lý thuế

	2011- 2015	2016- 2020
DN sử dụng dịch vụ thuế điện tử	> 60%	> 90%
DN đăng ký và khai thuế qua internet	> 50%	> 65%
Người nộp thuế hài lòng với DV cơ quan thuế	> 70%	> 80%
Tờ khai thuế đã nộp/phải nộp	> 90%	> 95%
Tỷ lệ tờ khai thuế đúng hạn	> 85%	> 95%
Tờ khai thuế được kiểm tra tự động	> 95%	100%

- 2020: Là một trong bốn nước đứng đầu Đông Nam Á về mức độ thuận lợi về thuế